TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/ DS-ST
Ngày: 27-12- 2019
V/v tranh chấp ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà T LoA

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cù Minh Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

-*Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ranh giới, mốc giới đất theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 66 ngày 29/11/2019; Thông báo mở lại phiên tòa và thay đổi những người tiến hành tố tụng số 42 ngày 14/12/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Văn D - sinh năm 1933

Địa chỉ: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức A - sinh năm 1937

Địa chỉ: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị N – Sinh năm 1934

+ Ông Nguyễn Đức T – Sinh năm 1963

+ Bà Phùng Thị L – Sinh năm 1964

Bà N, ông T, bà L đều có địa chỉ: Khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

+ Bà Phạm Thị K – Sinh năm 1932

Địa chỉ: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 708, phố C, phường D, TP V, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền cho ông D (nguyên đơn) và bà K (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quann): Ông Vũ Hồng S - sinh năm 1957; Địa chỉ: số nhà 708, phố Châu Phong, phường Dữu Lâu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho ông A (Bị đơn), bà N, ông Thắng, bà Lý (Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan): Ông Nguyễn Duy T – Sinh năm 1951; Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện C, Phú Thọ (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Văn D và ông Vũ Hồng S (đại diện theo ủy quyền của ông D và bà K) thống nhất trình bày:

Hộ gia đình ông Vũ Văn D có quyền sử dụng thửa đất 180, tờ bản đồ 3B, diện tích 1.600 m^2, địa chỉ: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ngày 24/9/1999, hộ ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 238915. Đất có hình đa giác 10 cạnh, cạnh phía tây có đoạn dài 07 m, giáp với đất của ông Nguyễn Đức A. Nguồn gốc đất được xác định do ông cha để lại Gia đình ông D sử dụng ổn định từ năm 1930 đến nay không có tranh chấp với ai. Năm 2000 ông D xây tường rào dài khoảng 17 m trong đó đoạn tường rào phía tây giáp đất hộ ông A có chiều dài như đã thẩm định là 6,8m, chiều cao được chia làm 02 đoạn; Đoạn 1 cao 02m, đoạn 2 cao 1,8m. Toàn bộ phần tường rào được xây hoàn toàn trên phần đất của hộ ông D trên cơ sở giáp ranh giới đất các hộ xung quannh trong đó có phần giáp hộ ông A. Từ khi xây đến nay, phần tường rào và ranh giới, mốc giới đất không tranh chấp với ai.

Thửa đất của ông Nguyễn Đức A: là Thửa 195, tờ bản đồ 3B, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.350 m^2; địa chỉ: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc thửa đất: Đất được UBND huyện cấp cho gia đình ông A để ở (ông A di cừ từ ven sông Hồng vào tại đất hiện nay năm 1971- do gia đình chạy ngập năm 1971). Khoảng tháng 10/2000, do ông A phá bỏ tường rào cũ, xây tường rào mới lấn ra đường đi, cộng đồng dân cư làm đơn tố cáo ông A đến chính quyền các cấp. Tháng 4/2017, khi ông D cùng bà K (vợ ông D) thường xuyên vắng nhà vì đi đến nhà các con chơi thì ông A đã tự động đập phá một đoạn tường rào cụt của ông D xây từ năm 2000, sau đó ông A tự động xây thêm một phần tường

rào cao khoảng 1,7m lên phần tường rào ông D đã xây dựng từ năm 2000. Việc ông A xây chồng lên tường rào ông D đã gây ra nhiều hệ lụy: làm biến dạng tường rào của ông D. Nước bẩn, nước thải của gia đình ông A rò rỉ gây ô nhiễm môi trường. Ngay sau khi ông A xây thêm phần tường rào, từ tháng 6/2017 gia đình ông D đã có nhiều đơn đề nghị UBND xã T tổ chức hòa giải để gia đình ông A tự tháo dỡ đoạn tường rào đã xây đè lên tường rào của ông D, nhưng hai lần UBND xã hòa giải ông A đều không có mặt. Nay ông S (đại diện theo ủy quyền của ông D) xác định, bức tường rào do gia đình ông D xây từ năm 2000 là tài sản của nhà ông D, được xây dựng hoàn toàn trên phần đất của hộ gia đình. Đây được xác định là mốc giới ngăn cách bất động sản giữa hộ ông D và ông A và không phải là tài sản chung của hai hộ vì toàn bộ bức tường do ông D xây trên phần đất thổ cư của gia đình.

Ông D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê buộc ông A phải tự tháo dỡ đoạn tường rào đã xây đè lên phần tường rào của gia đình ông D theo số liệu đã được xem xét thẩm định tại chỗ có chiều dài 6,8 m; cao 1,70 m (Đây là toàn bộ phần tường rào do ông A xây dựng) và buộc ông A xây tường rào về đúng vị trí đất của ông A, buộc ông A phải khôi phục lại tình trạng ban đầu tường rào của hộ ông D, bà K.

Bị đơn ông Nguyễn Đức A và người đại diện theo ủy quyền của ông A là ông Nguyễn Duy T trình bày: Gia đình ông Nguyễn Đức A và bà Trần Thị N đã ở trên thửa đất tại khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ từ năm 1971 đến nay. Năm 1990 hộ ông A đã được UBND huyện S (nay là C) cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đất thổ cư của ông A có đoạn giáp ranh với đất thổ cư của ông D, đất của gia đình ông A nằm trên địa hình cao hơn đất của ông D, chênh nhau khoảng 01 m. Trước đây gianh giới giữa hai hộ là bờ rào bằng cọc tre. Năm 2000 gia đình ông A xây tường rào bano quannh nhà bằng gạch thì ông D khởi kiện gia đình ông A xây tường rào lấn đường và đã được giải quyết. Bức tường rào giáp ranh giữa hộ gia đình ông A và gia đình ông D dài khoảng 7m là do hộ gia đình ông D xây dựng từ năm 2000. Từ năm đó đến năm 2017 hai hộ gia đình không có mâu thuẫn, tranh chấp gì đối với phần tường rào giáp với hộ ông D (phía Đông đất hộ ông A). Năm 2017, ông A xây tường rào mới bano quannh nhà có xây thêm một phần tường rào trên móng bờ tường rào cũ của hộ ông D đã xây năm 2000. Lí do ông A xây tường rào trên tường rào cũ của hộ ông D là: khi ông A xây toàn bộ tường rào xung quannh nhà, đến đoạn tường tiếp giáp nhà ông D đã xây trước đó, do bờ tường ông D xây thấp và được nối liền với bờ tường rào cũ của hộ gia đình ông nên ông A đã xây tiếp lên phía trên tường rào ông D để tiện cho việc bảo vệ và chăn nuôi. Trước khi xây tường rào ông A đã hỏi ý kiến ông D và được ông D nhất trí cho xây

không có ý kiến gì. Khoảng một thời giA sau gia đình ông D có đơn cho rằng ông A đã hủy hoại tài sản và lấn chiếm đất nhà ông D.

Nay ông S đại diện cho ông D yêu cầu gia đình ông A tháo dỡ tường rào thì ông có quan điểm: Do ông đã xây tường rào đè lên trên bức tường rào của gia đình ông D đã xây trước đó nên ông để gia đình ông D toàn quyền sử dụng và sở hữu bức tường, ông không đồng ý tự tháo dỡ. Việc gia đình ông xây thêm phần tường rào nhà ông lên trên tường rào nhà ông D chỉ nhằm mục đích tiện cho việc bảo vệ A ninh, chăn nuôi, không làm hỏng tài sản và cũng không hủy hoại tài sản là tường rào của ông D. Phần tường mà gia đình ông D xây từ năm 2000 ông cho rằng trong đó có 0,5 cm thuộc đất nhà ông A.

Tại bản tự khai của bà Trần Thị N (BL số 118) trình bày: Bà nhất trí lời khai của ông Nguyễn Đức A (chồng của bà) trình bày trong nội dung vụ án ông D khởi kiện đề nghị tháo dỡ tường rào. Quan điểm của bà không nhất trí tháo dỡ tường rào vì bà và ông A xây với mục đích để bảo vệ kết cấu tường và chăn nuôi. Gia đình bà không có mục đích nhằm hủy hoại tại sản. Toàn bộ phần tường rào gia đình bà đã xây giao cho ông D sử dụng, bà không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai của những người có quyền lợi liên quan phía bị đơn gồm Ông Nguyễn Đức T, Bà Phùng Thị L (BL số 119, 120) và lời trình bày của ông Nguyễn Duy T đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà L thống nhất trình bày:

Năm 2000, bố mẹ ông bà là ông A, bà N có phá hàng rào cây xanh để xây tường rào. Việc xây tường rào được thực hiện đúng mốc giới đất mà ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xây tường rào hoàn toàn do ông A và bà N xây, ông T và bà L không liên quan. Còn quyền sử dụng đất hiện vẫn của ông A bà N, ông bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, ông Vũ Hồng S (đại diện theo ủy quyền cho ông Vũ Văn D và bà Phạm Thị K); Ông Nguyễn Duy T (đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Đức A, bà Trần Thị N, ông Nguyễn Đức T, bà Phùng Thị L) vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị của mình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về ranh giới, mốc giới đất"

+ Về áp dụng pháp luật và yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn D

Năm 2000, gia đình ông D đã xây tường rào ngăn cách ranh giới giữa các bất động sản trong đó có bức tường rào ngăn cách ranh giới đất giữa hộ ông D và hộ ông A. Hộ ông A và hộ ông D đều xác định bức tường đó do hộ ông D xây dựng, không có tài liệu và chứng cứ để chứng minh việc hai hộ có thỏa thuận đây là mốc giới chung và là tài sản chung của hai hộ gia đình. Ông A cho rằng ông D xây tường rào giữa đất của hai hộ. Tuy nhiên, quan kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ hiện trạng sử dụng đất trên cơ sở chính quyền địa phương đã thực hiện việc đo đạc lại diện tích đất thực tế sử dụng của các hộ trong xã Tcho thấy, phần tường rào của ông D xây từ năm 2000 năm hoàn toàn trên phần diện tích đất hộ ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy việc ông A xây tường rào trên phần tường rào của hộ ông D xây dựng từ năm 2000 là vi phạm đến quyền sở hữu về tài sản. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 163, 164, 174, Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai, buộc hộ gia đình ông A, bà N phải có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ phần tường rào xây thêm trên phần tường rào của hộ ông D.

Về án phí: Do yêu cầu của D được chấp nhận, căn cứ Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông A (bị đơn) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông A xác định ông là người cao tuổi, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Vũ Văn D yêu cầu ông Nguyễn Đức A có nghĩa vụ tháo rỡ toàn bộ phần tường rào đã tự ý xây trên phần tường rào của ông D đã xây dựng năm 2000 là mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản là diện tích đất của hộ ông D và hộ ông A. Căn cứ quy định tại Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; Điều 174, 175 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là "Tranh chấp về ranh giới, mốc giới đất".

* Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tài sản tranh chấp và nơi cư trú của các đương sự đều ở xã T, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

* Đối với yêu cầu của ông Vũ Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Năm 1999, hộ ông Vũ Văn D được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.015m^2 đất (trong đó 400m^2 đất ở, còn lại là toàn bộ diện tích đất vườn) tại địa chỉ Đội 5 (nay là khu C), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Năm 1999, hộ ông Nguyễn Đức A được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.698m^2 đất (trong đó 400m^2 đất ở, còn lại là toàn bộ diện tích đất vườn) tại địa chỉ Đội 5 (nay là khu C), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Thực trạng sử dụng đất của hai hộ ông Nguyễn Đức A và hộ ông Vũ Văn D có chung ranh giới đất với chiều dài là 6,8m (tại phần tiếp giáp đất phía tây của hộ ông D và là phía Đông của đất hộ ông A), được ngăn cách bởi 01 tường rào bằng gạch do hộ gia đình ông D xây từ năm 2000 với đoạn 1 dài 3,83m, cao 02m; đoạn 2 dài 2,97m, cao 1,88m. Ông A và ông D đều thừa nhận, trước đây hàng rào ngăn cách ranh giới đất giữa hai gia đình là hàng rào bằng cây cối. Năm 2000, ông D tiến hành xây tường rào bằng gạch làm mốc giới ngăn cách đất giữa hai nhà. Ông D chủ động xây toàn bộ tường rào, hai bên không có thỏa thuận về việc đóng góp xây dựng chung và cũng không có thỏa thuận về việc sử dụng chung bờ tường. Ông D cho rằng ông đã xây dựng toàn bộ phần tường rào nằm trên diện tích đất gia đình ông được nhà nước cấp. Kể từ năm 2000 đến nay, hai bên sử dụng đất ổn định, không có sự dịch chuyển về mốc giới đất đã xây dựng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2019, ông A xác định bức tường rào cũ do ông D xây năm 2000 nằm trên phần đất của gia đình ông là 05cm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông A không đưa ra được căn cứ để chứng minh bức tường đó nằm trên phần diện tích đất hộ gia đình ông đã được cấp. Hơn nữa, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (BL số 103) và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất (BL số 103a) cũng như sơ đồ lồng ghép giữa hiện trạng sử dụng đất và trích lục bản đồ 299 (là bản đồ căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) (BL số 103b) cho thấy: toàn bộ bức tường rào do ông D xây dựng có giáp ranh với hộ ông A (chỉ giới 2,3) có chiều dài 6,8m tính từ điểm mốc góc giáp với ngõ xóm (chỉ giới 3) đến điểm vuông góc giữa bức

tường ông trên vườn ông A và bức tường do ông D xây nằm trên phần diện tích đất 2.015m^2 của hộ ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất.

Ông A cho rằng khi ông tiến hành xây bức tường rào lên trên bức tường cũ của ông D ông đã hỏi ý kiến của ông D và được ông D đồng ý. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải, ông S (đại diện theo ủy quyền của ông D) không thừa nhận. Tại bản tự khai của ông D (BL số 99, 100) cũng trình bày, vào khoảng tháng 4/2017, khi ông và bà K đi vắng không có nhà, gia đình ông A tự ý xây dựng mà không hỏi ý kiến gia đình ông. Tại biên bản làm việc ngày 07/6/2017 của UBND xã T với các hộ tranh chấp, ông D đã có đề nghị giải quyết tranh chấp về việc xây tường rào của ông A. Vì vậy không có căn cứ xác định việc ông D đồng ý cho ông A xây thêm lên phần tường rào của hộ ông D đã xây dựng trước đó.

Do ông A đã tự ý xây dựng phần tường rào lên trên phần tường rào cũ là công trình do gia đình ông D xây trên đất đã được cấp mà không có sự thỏa thuận nhất trí giữa hai bên, vì vậy buộc gia đình ông A phải có trách nhiệm tháo dỡ phần tường xây để trả lại nguyên hiện trạng ban đầu bức tường xây cho gia đình ông D là có căn cứ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn D đã nộp tiền chi phí tố tụng gồm chi phí định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp, số tiền nộp là 1.400.000đ. Do ông D (ông S đại diện theo ủy quyền) tự nguyện chịu số tiền này và không yêu cầu ông A phải chi trả nên HĐXX cần xác nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đức A là người cao tuổi, tại phiên tòa hôm nay ông A và ông T (đại diện theo ủy quyền) đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho ông A theo quy định của Pháp luật nên ông A thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1, 2 Điều 158; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 174, 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn D.

1. Buộc ông Nguyễn Đức A và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ tháo rỡ toàn bộ phần tường rào đã xây trên bức tường của hộ gia đình ông D, bà K, cụ thể như sau:

- Tính từ điểm mốc góc tiếp giáp đường ngõ xóm nơi đấu nối giữa bức tường của hộ gia đình ông A xây vuông góc với bức tường ngăn cách đường ngõ xóm (chỉ giới 3) của hộ gia đình ông D kéo dọc theo bức tường giáp ranh giữa hai hộ đến điểm nối vuông góc với bức tường trên vườn nhà ông A (chỉ giới 2) có chiều dài là 6,8m (Từ chỉ giới 2 đến chỉ giới 3 – Có sơ đồ lồng ghép hiện trạng đất kèm theo); chiều cao phần tháo dỡ là 1,7m (chiều cao được tháo dỡ tính từ trên xuống). Tổng diện tích bức tường phải tháo dỡ là 11,56m^2; Trả lại nguyên hiện trạng bức tường của hộ gia đình ông D đã xây từ năm 2000 có tổng chiều dài là 6,8m, trong đó đoạn 1 tính từ điểm tiếp giáp đường ngõ xóm vào dài 2,97m có chiều cao là 1,88m; đoạn nối tiếp đoạn 1 đến điểm giáp vuông góc với bức tường trên vườn hộ ông A dài 3,83m có chiều cao là 02m. (có sơ đồ vị trí hiện trạng bức tường kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Xác nhận ông Vũ Văn D (do ông Vũ Văn S đại diện theo ủy quyền) tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), (ông D đã nộp đủ).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức A.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
-Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
-Lưu HS
-Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan